

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 8 năm 2024.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 488/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh **Ngô Văn S**, sinh năm 2000.

Nơi cư trú: 54 **N, Tổ D, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai.**

- Chị **Trần Thị Thanh T**, sinh năm 1999.

Nơi thường trú: **Tổ D, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai**

Chỗ ở hiện nay: 208A **Wừu, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh **Ngô Văn S** và chị **Trần Thị Thanh T** tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân **phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai** ngày 08-4-2022.

Thời gian đầu, anh **Ngô Văn S** và chị **Trần Thị Thanh T** chung sống hạnh phúc. Sau thời gian chung sống, anh **Ngô Văn S** và chị **Trần Thị Thanh T** xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, giữa anh **Ngô Văn S** và chị **Trần Thị Thanh T** không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù hai bên gia đình hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng và không được cải thiện. Nay, anh **Ngô Văn S** và chị **Trần Thị Thanh T** nhận thấy hạnh phúc không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể tiếp tục chung sống với nhau

được nữa. Vì vậy, anh **Ngô Văn S** và chị **Trần Thị Thanh T** yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh **Ngô Văn S** và chị **Trần Thị Thanh T** có 01 con chung là **Ngô Tuệ K**, sinh ngày 01-01-2023.

Các đương sự thống nhất giao con của họ là **Ngô Tuệ K**, sinh ngày 01-01-2023 cho chị **Trần Thị Thanh T** trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng cho con: Anh **Ngô Văn S** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu **Ngô Tuệ K** là 2.000.000đồng/ tháng cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động.

[3] Về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung: Anh **Ngô Văn S** và chị **Trần Thị Thanh T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh **Ngô Văn S** và chị **Trần Thị Thanh T** thuận tình ly hôn.

- Về con: Trong thời gian chung sống anh **Ngô Văn S** và chị **Trần Thị Thanh T** có 01 con chung là **Ngô Tuệ K**, sinh ngày 01-01-2023.

Các đương sự thống nhất giao con của họ là **Ngô Tuệ K**, sinh ngày 01-01-2023 cho chị **Trần Thị Thanh T** trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng cho con: Anh **Ngô Văn S** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con **Ngô Tuệ K**, sinh ngày 01-01-2023 là 2.000.000đồng/tháng cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động.

Thời điểm cấp dưỡng nuôi con vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 9 năm 2024.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung: Anh **Ngô Văn S** và chị **Trần Thị Thanh T** không yêu cầu Tòa án giải quyết các quan hệ này.

- Về lệ phí: Anh **Ngô Văn S** và chị **Trần Thị Thanh T** tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm nhưng được trừ vào tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000001570927 ngày 31 tháng 7 năm 2024 của **Công ty Cổ phần T1**; Anh **Ngô Văn S** và chị **Trần Thị Thanh T** đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố Pleiku;
- Chi cục THADS thành phố Pleiku;
- UBND phường Phù Đổng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai (GCNKH số 29, ngày 08-4-2022);
- Lưu VP, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Văn Nhàn